TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-03-2021.
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Giang

Ông Phạm Hữu Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 9 năm 2020 và ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Diệp Anh M, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Diệp Anh M: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm: 1976 (có mặt). Địa chỉ: Số N đường P, khóm H, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 05/03/2020).

- *Bị đơn:* Bà Trần Kim C, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Diệp Thị Thanh T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Diệp Thị Thanh T, sinh năm 2001*:* Ông Hồ Hữu P, sinh năm: 1973 (có mặt). Địa chỉ: Số T đường L, khóm S, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người liên quan (văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020 và 19/9/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn ông Diệp Anh M và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khánh T trình bày:

Ông Diệp Anh M và bà Trần Kim C là vợ chồng từ năm 1999 khi chung sống với nhau ông M và bà C có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định, đến ngày 19 tháng 10 năm 2018 ông M và bà C ly hôn và đã được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết việc thuận tình ly hôn theo quyết định số 114/2018/QĐST-VHNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Trong thời kỳ hôn nhân ông M và bà C có tạo lập tài sản chung là căn nhà trệt, vách tường, mái lợp tole, gác gỗ, nhà có số Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01/6/2009 (căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu).

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 114/2018/QĐST-VHNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thì ông M và bà C thỏa thuận tự phân chia tài sản, thế nhưng cho đến nay hai bên vẫn chưa thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung, nhiều lần ông M và bà C đề nghị phân chia tài sản chung nhưng bà Trần Kim C không đồng ý và bà Trần Kim C còn có hành vi đuổi ông M ra khỏi căn nhà của ông M đang ở, nên từ đó phát sinh tranh chấp.

Nay ông M xét thấy căn nhà trệt, vách tường, mái lợp tole, gác gỗ, nhà có số Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2 là tài sản chung của ông M và bà Trần Kim C có được trong thời kỳ hôn nhân và tài sản này đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phần tài sản này là tài sản chung của ông M và bà C. Nay ông M và bà C đã ly hôn với nhau thì phần tài

sản cần thiết phải phân chia theo quy định của pháp luật, việc bà Trần Kim C không đồng ý phân chia tài sản làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông M và diện tích căn nhà này không thể phân chia làm hai phần cho hai người, nên ông M có nguyện vọng nhận toàn bộ căn nhà và phần đất gắn liền kể trên, ông M đồng ý trả 1/2 (một phần hai) trị giá căn nhà Số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2 (theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam đưa ra tổng cộng là 590.447.000 đồng) cho bà Trần Kim C với số tiền 295.223.500 đồng.

Nay ông Diệp Anh M yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Phân chia tài sản chung của ông Diệp Anh M và bà Trần Kim C là căn nhà số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01 tháng 6 năm 2009 (căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu).

+ Ông Diệp Anh M có nguyện vọng được nhận toàn bộ căn nhà số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do UBND thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01 tháng 6 năm 2009 (căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu) và đồng ý trả cho bà Trần Kim C (một phần hai) trị giá tài sản là 295.223.500 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông M và bà C tự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Hữu P trình bày:

Bà C thống nhất với lời trình bày của ông M về hôn nhân, trong thời kỳ hôn nhân ông M và bà C có tạo lập được tài sản chung là căn nhà và đất như ông M trình bày là đúng. Nay ông M yêu cầu chia đôi tài sản chung bà C có ý kiến như: Bà đồng ý phân chia tài sản chung là căn nhà số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01 tháng 6 năm 2009 (căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu). Bà C yêu cầu được nhận toàn bộ căn nhà số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do UBND thành phố Sóc Trăng,

tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01 tháng 6 năm 2009 (căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu) và đồng ý trả cho ông M (một phần hai) trị giá tài sản (theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam đưa ra tổng cộng là 590.447.000 đồng) là 295.223.500 đồng.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông M tự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa ông Hồ Hữu P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Diệp Thị Thanh T trình bày:

Cháu T không có đóng góp gì trong việc tạo lập tài sản chung của cha và mẹ. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C vì căn nhà và đất số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng là chỗ ở duy nhất của cháu Trúc và bà C.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia tài sản chung giao cho bà C nhận nhà và đất tại số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và bà C có trách nhiệm thối lại giá trị cho ông M số tiền là 295.223.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Diệp Anh M: Ông Diệp Anh M và bà Trần Kim C đều thừa nhận tài sản chung của ông, bà là căn nhà (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) căn nhà số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01

tháng 6 năm 2009. Căn nhà và đất này hiện nay do ông M và bà C đang trực tiếp quản lý.

Theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam đưa ra phần đất có giá: 434.989.000 đồng, phần nhà có giá 155.458.000 đồng tổng cộng là 590.447.000 đồng. Ông M yêu cầu được nhận nhà, đất và đồng ý thối trả giá trị lại cho bà C số tiền 295.223.500 đồng. Bà C cũng yêu cầu được nhận nhà, đất và đồng ý thối trả giá trị lại cho ông M số tiền 295.223.500 đồng. Xét thấy, sau khi ly hôn thì ông M và bà C thỏa thuận giao con chung là cháu Diệp Thị Thanh T cho bà C nuôi dưỡng, mặc dù cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nhưng cháu chưa có công việc ổn định và vẫn chung sống với bà C trong căn nhà đang tranh chấp đến nay. Để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và con chung của ông M và bà C là cháu T, hơn nữa ngoài căn nhà này thì cháu T và bà C không có chỗ ở nào khác, nên Hội đồng xét xử xét việc giao cho bà C được nhận hiện vật là căn nhà và đất và bà C có trách nhiệm thối trả lại ½ giá trị căn nhà và đất nêu trên với số tiền 295.223.500 đồng cho ông M là phù hợp. Ông M được quyền lưu cư trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tìm chỗ ở mới.

[2] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M và bà C mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung số tiền 14.761.175 đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

[4] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.700.000 đồng ông M và bà C mỗi người phải chịu số tiền 3.350.000 đồng. Số tiền này ông M đã tạm ứng trước nên bà C có trách nhiệm thanh toán lại cho ông M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 38; 56; 59; 62; 63 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Anh M về việc yêu cầu chia tài sản chung.

2. Giao cho bà Trần Kim C được nhận căn nhà (hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) và thửa đất gắn liền số 378, tờ bản đồ số 16, diện tích 54m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 122299 do Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp cho Diệp Anh M và Trần Kim C ngày 01 tháng 6 năm 2009 tọa lạc số M đường T, khóm B, phường H, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

I/. Phần đất có số đo và vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đất Nguyễn Văn N và Trần Văn T có số đo: 3,06m + 1,54m.

Hướng Tây giáp hẻm 195 đường Trương Công Đ có số đo 4,63m.

Hướng Nam giáp nhà số 195/33 đường Trương Công Đ có số đo 0,75m + 0,83m + 9,85m.

Hướng Bắc giáp đất Huỳnh Thị Tố D có số đo 11,72m

Diện tích 54m^2 đất ODT (phạm hẻm giới 0,4m^2)

II/. Phần nhà: Diện tích: Trệt 44,8m^2; sàn lầu gỗ 39,8m^2

Ban Công bê tông cốt thép 4,95m^2 dày 0,2m.

Kết cấu: Nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, sàn lầu gỗ, trần la phong, đỡ mái gỗ, lợp tol.

Sân trước: 7,4m^2 lát gạch men.

Hàng rào trước dài 12m, cao 2,6m khung bê tông cốt thép, tường gạch + lưới B40.

(Toàn bộ tài sản trên hiện nay do ông M và bà C đang quản lý)

3. Bà Trần Kim C có trách nhiệm thanh toán cho ông Diệp Anh M là 295.223.500 đồng. Ông Diệp Anh M được nhận và sở hữu số tiền 295.223.500 đồng do bà Trần Kim C thối trả.

4. Ông Diệp Anh M được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tìm chỗ ở mới.

5. Về nợ chung: Bà Trần Kim C và ông Diệp Anh M tự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Diệp Anh M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Kim C phải trả lãi cho ông M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

6. Về án phí chia tài sản chung sơ thẩm: Ông Diệp Anh M phải chịu án phí chia tài sản chung là: 14.761.175 đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chia tai sản chung ông M đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001707 ngày 21/02/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, ông M có trách nhiệm nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung là 12.261.175 đồng.

Bà Trần Kim C phải chịu án phí chia tài sản chung là: 14.761.175 đồng.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 6.700.000 đồng ông M và bà C mỗi người phải chịu số tiền 3.350.000 đồng. Số tiền này ông M đã tạm ứng trước nên bà C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông M số tiền 3.350.000 đồng.

8. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA